TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lan Phương

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã X, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Khương D, sinh năm 1993, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã X, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Khương D ngày 23 tháng 10 năm 2015, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị về chung sống cùng gia đình anh D tại thôn Ng, xã X được 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình

vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng qua điểm sống, anh D nhiều lần đánh đập chị. Khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình có dàn xếp nhưng vợ chồng chị không thể đoàn tụ được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, hiện chị cũng không mang thai gì với anh D, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Khương D là bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh D đều cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã X và gia đình anh D cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D địa phương và gia đình không nắm được. Từ khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân thì gia đình mới nắm được. Hiện anh D đi làm ăn xa, các lần Toà án báo gọi anh D, gia đình có nhận được giấy và có thông báo cho anh D, anh D có biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh đi làm ăn xa nên không đến Tòa làm việc được. Nay chị H xin ly hôn, gia đình xác định đó là việc của chị H và anh D, gia đình không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huệ, cho chị H được ly hôn anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H có yêu cầu xin ly hôn bị đơn anh Khương D hiện đang cư trú tại thôn Ng, xã X, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều có mặt, anh D đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Khương D là cuộc hôn nhân hợp pháp xây dựng trên cơ sở tự nguyện, anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống. Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh D còn thường xuyên đánh đập chị. Xét đề nghị của chị H Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được. Anh D cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh D không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh D không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Khương D vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh. Khi nào anh có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

3. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Khương D.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sư thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số:AA/2017/ 0000052 ngày 03 tháng

4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L
- THADS huyện L
- UBND xã X
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Minh Hiệp